

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2023

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Văn Khánh.

2. Bà Kiều Việt Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Kỳ Thọ Nam 1, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Võ Hoàng N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Kỳ Thọ Nam 1, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Đ, trình bày:

Nguyên đơn và ông Võ Hoàng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 1984, số 375, quyển số 1, tại Ủy ban nhân dân xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh

Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp tính; ông N vũ phu, bạo lực gia đình, vợ chồng sống không có hạnh phúc và đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn đối với bị đơn ông Võ Hoàng N.

Về con chung: Nguyên đơn trình bày, vợ chồng có ba con chung tên Võ Thị O, sinh ngày 20/5/1989; Võ Thị H, sinh ngày 20/5/1989 và Võ Hoàng A, sinh ngày 10/5/1991. Khi ly hôn, các con chung đều đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc bị đơn trình bày, vợ chồng có 96.000.000 đồng tiền mặt và 20 chỉ vàng 9999, giá vàng hiện nay 6.600.000 đồng/chỉ. Khi ly hôn, bị đơn yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn phải chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nêu trên cho bị đơn; nguyên đơn không đồng ý vì không giữ số tiền, vàng này và bất cứ tài sản gì khác.

Về nợ chung: Nguyên đơn cho rằng, vợ chồng không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Võ Hoàng N trình bày:

Bị đơn công nhận, giữa bị đơn và nguyên đơn bà Trần Thị Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm; bị đơn có bạo lực đối với nguyên đơn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay; như nguyên đơn đã trình bày là đúng; việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn ông, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Võ Thị O, sinh ngày 20/5/1989; Võ Thị H, sinh ngày 20/5/1989; Võ Hoàng A, sinh ngày 10/5/1991. Khi ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi như nguyên đơn đã trình bày là đúng; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bị đơn cho rằng, vợ chồng có 96.000.000 đồng tiền mặt và 20 chỉ vàng 9999, giá vàng hiện nay 6.600.000 đồng/chỉ, trị giá 132.000.000 đồng; tổng cộng tài sản chung quy đổi thành tiền là 228.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng). Số tài sản này do nguyên đơn trực tiếp quản lý, khi ly hôn, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn phải chia cho bị đơn $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nêu trên là 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng). Bị đơn không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này; tuy nhiên, khi nguyên đơn bỏ nhà đi bị đơn có làm đơn báo với Trưởng thôn, Hội Liên hiệp Phụ nữ thôn Kỳ Thọ Nam 1 và Công an xã Hành Đức. Bị đơn không viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và không đồng ý nộp tạm ứng án phí, bị đơn chỉ trình bày để Tòa án xem xét.

Ngoài ra, giữa bị đơn và nguyên đơn còn có một số tài sản khác nhưng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bị đơn cho rằng vợ chồng không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Đ đối với bị đơn ông Võ Hoàng N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về “*Ly hôn*”. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Đ, ông Võ Hoàng N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 1984, số 375, quyển số 1, tại Ủy ban nhân dân xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông N là hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa giữa bà Đ và ông N có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập bà Đ và ông N làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, bà Đ và ông N cùng thuận tình ly hôn; tuy nhiên, tại phiên tòa ông N không đồng ý ly hôn, với lý do: “Bà Đ phải đưa cho ông 114.000.000 đồng ông mới đồng ý ly hôn”. Yêu cầu này của ông N rõ ràng là quá đáng; thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đ được ly hôn ông N phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng có ba con chung tên Võ Thị O, sinh ngày 20/5/1989; Võ Thị H, sinh ngày 20/5/1989; Võ Hoàng A, sinh ngày 10/5/1991. Khi ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bị đơn cho rằng, vợ chồng có 96.000.000 đồng tiền mặt và 20 chỉ vàng 9999, giá vàng hiện nay 6.600.000 đồng/chỉ, trị giá 132.000.000 đồng; tổng cộng là 228.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng). Số tài sản này do nguyên đơn trực tiếp quản lý, khi ly hôn, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn phải chia cho bị đơn $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nêu trên là 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng). Tòa án đã yêu cầu bị đơn làm thủ tục yêu cầu phản tố nhưng bị đơn không thực hiện nên không có cơ sở để xem xét. Ngoài ra, giữa bị đơn và nguyên đơn còn có một số tài sản khác nhưng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Khi nào có yêu cầu thì sẽ được giải quyết trong vụ việc khác, theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí:

Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Đ được ly hôn ông Võ Hoàng N.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005797 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Đ, ông Võ Hoàng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hành Đức;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Chí Ngãi